

Bản tin Phân tích kỹ thuật

10/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 4111FA000 có tín hiệu mua, đà tăng ổn định kèm biên độ tăng cao. (M15)
- Vị thế mua được ưu tiên quanh vùng 1.970 điểm với mục tiêu là vùng 1.990-2.000 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.964 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.970 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.990 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.964 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Trung tính	Tích cực



Nguồn: Vietcap

- Chỉ số VN-Index tiếp tục ghi nhận mức cao mới và chưa xuất hiện áp lực chốt lãi bất thường. Chỉ số VN30 diễn biến tương đồng về giá. Về thanh khoản, khối lượng giao dịch giảm trên cả hai chỉ số cho thấy hoạt động mua vẫn thiếu sự phân tán. Trong ngắn hạn, tín hiệu trên tất cả các rổ chỉ số đều không đổi so với phiên 09/10.
- Ngoài cổ phiếu Ngân hàng, tín hiệu kỹ thuật bắt đầu cải thiện đồng đều trên các nhóm ngành khác như Bất động sản, Chứng khoán, Vật liệu, Tiêu dùng và Bán lẻ. Về hoạt động giao dịch, không ghi nhận lực chốt lãi giá cao bất thường ở các nhóm ngành chiếm tỷ trọng vốn hóa cao, hoạt động mua cải thiện trên nhóm Bất động sản và Vật liệu.
- Vùng 1.705-1.710 điểm là hỗ trợ cho tín hiệu vượt đỉnh đang có, vùng 1.730-1.735 đóng vai trò là hỗ trợ trong phiên. Chúng tôi gia tăng biên độ cho chỉ số VN-Index lên vùng 1.765-1.770 điểm, khuyến nghị chốt lãi (50% tỷ trọng còn lại) trên các vị thế ngắn hạn đã tiếp cận hoặc vượt vùng giá cao trước điều chỉnh (05/09) và mở vị thế mới trên các cổ phiếu đang dao động quanh vùng giá thấp nhằm duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức nhất định trong danh mục.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

NLG

- NLG bắt đầu tìm được hỗ trợ ngắn hạn quanh vùng 37.500 với thanh khoản gia tăng, thể hiện sự cải thiện của hoạt động mua.
- Dự báo cổ phiếu sẽ duy trì hoạt động tăng giá trong thời gian tới với xu hướng kiểm định lại các kháng cự 45.000-47.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
38.300-40.350	47.000	36.500



Nguồn: Vietcap

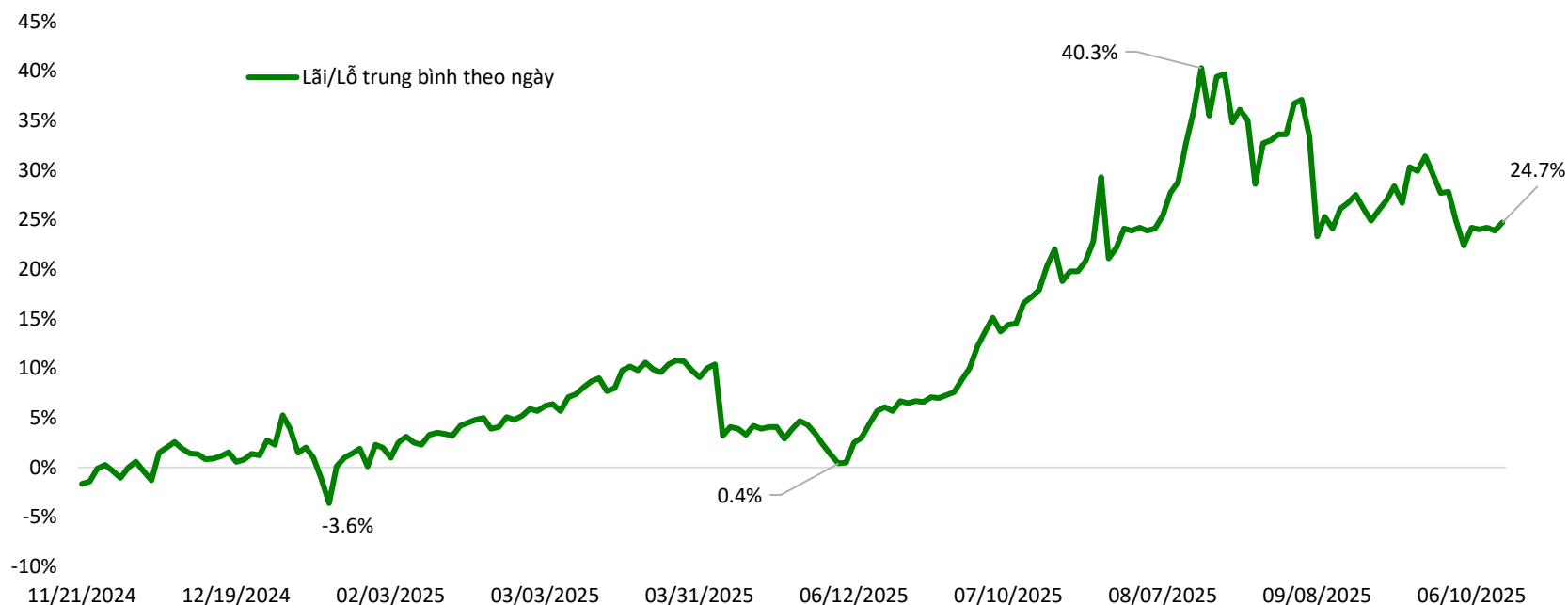
HDG

- HDG cải thiện tín hiệu ngắn hạn lên mức Tích cực nhờ vận động trên các đường MA20 và MA50, tăng khả năng tiếp cận trở lại vùng đỉnh quanh mốc 35.000.
- Các phiên điều chỉnh giảm gần đây diễn ra trên mặt bằng thanh khoản thấp cho thấy hoạt động bán được tiết chế.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
32.000-32.600	35.200	30.900

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	29,600	29,050	1.9%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	192,000	6.96%	8.78%	739,779	11.255	3,487	5.1	55.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	123,000	6.96%	23.00%	505,212	7.678	6,984	2.4	17.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	40,350	6.18%	23.21%	91,688	1.239	1,937	2.1	20.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	29,600	2.25%	7.05%	227,194	1.114	1,750	1.9	16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVN	36,200	4.32%	6.00%	112,636	1.064	3,791	-30.0	9.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	143,800	6.99%	20.64%	52,631	0.804	5,389	7.7	26.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	64,200	0.63%	4.05%	536,434	0.735	4,148	2.5	15.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	96,100	2.02%	2.89%	163,707	0.721	5,092	4.9	18.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	89,000	2.06%	11.25%	159,604	0.720	1,465	5.1	60.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	39,350	1.03%	2.61%	278,844	0.626	3,017	1.8	13.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	41,200	0.98%	3.52%	289,280	0.620	3,683	1.8	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	29,200	2.64%	12.09%	90,535	0.521	-16	1.6	-1,815.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SBT	26,750	7.00%	11.46%	21,789	0.333	1,023	2.1	26.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSN	84,100	1.20%	5.13%	121,601	0.320	1,861	3.7	45.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	51,600	0.78%	-1.71%	154,144	0.263	3,324	3.8	15.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	87,000	-3.76%	0.81%	78,281	-1.348	694	16.1	125.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	149,600	1.56%	2.96%	29,920	0.214	7,830	7.5	19.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	17,300	1.76%	4.22%	18,481	0.149	175	2.2	98.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,100	-2.06%	0.79%	14,459	-0.136	3,977	2.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	26,400	1.93%	12.34%	14,980	0.132	354	2.4	74.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVS	32,800	-1.80%	4.13%	15,677	-0.129	2,644	1.1	12.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	34,900	0.87%	6.73%	22,989	0.091	1,497	3.1	23.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	26,500	-0.75%	9.05%	23,836	-0.082	1,148	2.1	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIF	15,500	-3.13%	3.33%	5,425	-0.078	746	1.1	20.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	85,800	2.14%	2.14%	7,065	0.069	886	6.6	96.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	144,100	7.38%	12.58%	148,496	1.532	9,004	8.8	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSH	81,000	-6.79%	-9.40%	30,186	-0.287	633	5.3	127.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	26,300	4.37%	15.86%	28,478	0.174	-707	2.4	-36.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	43,700	12.05%	9.52%	9,177	0.155	-103	5.8	-424.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,700	0.29%	2.08%	208,434	0.085	1,913	5.6	35.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SNZ	34,000	-2.86%	-0.69%	12,899	-0.052	3,199	1.7	10.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HTM	11,200	15.46%	7.69%	2,345	0.051	-104	1.1	-102.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,400	-0.18%	0.73%	198,615	-0.050	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	64,400	0.63%	0.63%	47,540	0.042	4,151	5.0	15.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SBH	40,700	-5.79%	-4.24%	5,093	-0.041	2,926	3.0	14.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

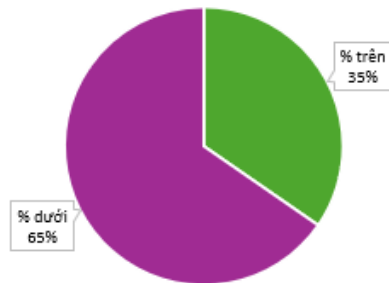
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VIC	192,000	7.0%	794.4	458.5	39,900	180,000	5.1	55.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VHM	123,000	7.0%	1086.1	533.7	37,750	115,000	2.4	17.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
CTG	55,200	0.4%	742.6	493.7	33,100	55,000	1.8	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MWG	82,000	0.6%	615.6	655.5	45,593	81,500	4.1	24.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
STB	60,400	0.7%	489.9	508.7	31,950	60,000	1.9	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VRE	40,350	6.2%	772.7	264.2	16,100	38,000	2.1	20.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
GEE	143,800	7.0%	179.6	80.1	22,606	134,400	7.7	26.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MSR	26,300	4.4%	80.2	49.2	10,400	25,200	2.4	-36.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
SBT	26,750	7.0%	52.8	26.3	10,727	25,000	2.1	26.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCH	24,700	4.7%	574.3	219.3	11,629	24,150	2.3	22.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
ANV	32,800	0.3%	90.0	111.1	12,400	32,700	2.7	17.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
NAF	33,100	1.2%	16.7	22.4	16,273	33,000	2.2	19.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

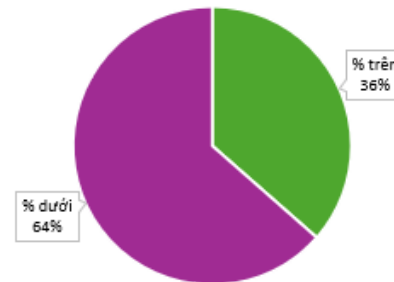
KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
TNT	8,190	-1.0%	10.9	1.8	3,900	9,300	0.7	130.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VGS	32,100	4.6%	114.5	42.6	17,546	34,728	1.7	12.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực	
MCH	144,100	7.4%	124.4	37.4	105,000	179,292	8.8	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MHC	14,750	6.9%	13.8	5.0	6,260	15,800	1.1	23.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

MA20



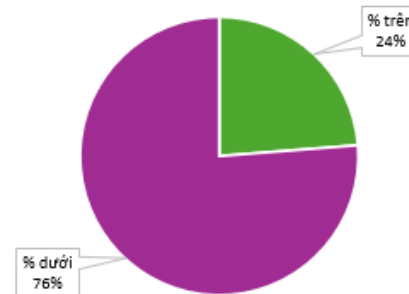
MA50



MA200



MA20, 50, 200



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			10/10/2025	09/10/2025	08/10/2025	07/10/2025	06/10/2025	03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	62%	63%	62%	61%	63%	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%
		Dưới	38%	37%	38%	39%	37%	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%
	MA50	Trên	39%	38%	38%	37%	39%	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%
		Dưới	61%	62%	62%	63%	61%	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%
	MA20	Trên	36%	34%	32%	29%	37%	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%
		Dưới	64%	66%	68%	71%	63%	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%
		Dưới	23%	23%	23%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%
	MA50	Trên	67%	63%	63%	63%	67%	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%
		Dưới	33%	37%	37%	37%	33%	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%
	MA20	Trên	70%	70%	57%	50%	70%	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%
		Dưới	30%	30%	43%	50%	30%	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%
HNX	MA200	Trên	56%	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%
		Dưới	44%	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%
	MA50	Trên	36%	38%	38%	37%	41%	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%
		Dưới	64%	62%	62%	63%	59%	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%
	MA20	Trên	56%	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%
		Dưới	44%	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%
UPCOM	MA200	Trên	34%	34%	35%	33%	35%	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%
		Dưới	66%	66%	65%	67%	65%	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%
	MA50	Trên	36%	36%	36%	35%	36%	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%
		Dưới	64%	64%	64%	65%	64%	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%
	MA20	Trên	45%	45%	45%	45%	45%	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%
		Dưới	55%	55%	55%	55%	55%	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 10										Tháng 9									
		10 ↓	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15
!	1 Ngân hàng	77	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73
	2 Y tế	72	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62
!	3 Bất động sản	67	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71
	4 Bán lẻ	63	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54
	5 Xây dựng và Vật liệu	63	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62
	6 Dịch vụ tài chính	61	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67
	7 Thực phẩm và đồ uống...	61	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63
	8 Tài nguyên Cơ bản	59	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71
	9 Du lịch và Giải trí	54	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49
↘	10 Bảo hiểm	47	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59
	11 Hàng & Dịch vụ Côn...	46	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53
↘	12 Dầu khí	46	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51
↘	13 Điện, nước & xăng d...	43	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50
↘	14 Hóa chất	40	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48
↘	15 Ô tô và phụ tùng	40	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52
	16 Hàng cá nhân & Gia ...	33	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56
↘	17 Công nghệ Thông tin	29	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	192,000	7.0%	8.8%	739,779	5.1	55.1	3,487	794.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	64,200	0.6%	4.1%	536,434	2.5	15.5	4,148	319.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	123,000	7.0%	23.0%	505,212	2.4	17.6	6,984	1,086.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	55,200	0.4%	8.7%	296,424	1.8	9.8	5,608	742.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	41,200	1.0%	3.5%	289,280	1.8	11.2	3,683	280.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	39,350	1.0%	2.6%	278,844	1.8	13.0	3,017	799.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	32,100	0.0%	8.8%	254,679	1.7	14.6	2,193	1,108.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	29,600	2.2%	7.1%	227,194	1.9	16.9	1,750	1,843.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	27,450	0.4%	3.4%	221,110	1.8	9.0	3,046	1,561.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	89,000	2.1%	11.3%	159,604	5.1	60.8	1,465	100.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	144,100	7.4%	12.6%	148,496	8.8	15.6	9,004	124.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	26,950	0.0%	5.1%	138,433	1.6	8.2	3,305	441.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	84,100	1.2%	5.1%	121,601	3.7	45.2	1,861	1,125.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	82,000	0.6%	6.5%	121,233	4.1	24.8	3,304	615.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	60,400	0.7%	6.0%	113,867	1.9	9.8	6,148	489.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	31,850	0.6%	5.5%	111,318	1.8	7.8	4,094	476.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	40,350	6.2%	23.2%	91,688	2.1	20.8	1,937	772.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	29,200	2.6%	12.1%	90,535	1.6	-1,815.3	-16	444.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SHB	18,000	0.6%	7.8%	82,687	1.3	7.5	2,388	1,400.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,100	0.0%	1.8%	53,153	1.8	7.1	5,656	14.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPG	7,890	-2.6%	-6.1%	698	0.4	5.1	1,557	7.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,400	-0.2%	0.7%	198,615	3.1	20.2	2,751	36.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	38,100	-2.1%	0.8%	14,459	2.5	9.6	3,977	127.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	17,950	-0.6%	1.1%	8,435	1.0	7.8	2,306	32.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,800	-0.8%	-0.5%	8,399	3.6	548.5	71	13.4	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHR	54,500	-1.4%	-0.7%	7,385	1.9	14.5	3,756	20.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	57,500	-1.0%	-4.6%	5,456	4.0	8.2	7,004	30.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	29,150	-0.7%	-1.4%	3,266	1.4	10.8	2,693	44.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	17,700	-4.3%	-1.1%	2,477	1.5	18.4	963	100.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	22,500	0.0%	-1.3%	2,359	2.0	19.8	1,138	10.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	19,200	-0.5%	0.0%	2,354	1.3	6.8	2,841	10.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,400	-0.6%	0.6%	2,323	1.8	32.3	1,065	7.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	13,450	-0.4%	0.4%	1,883	1.1	-28.2	-477	18.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIG	8,400	0.0%	3.7%	1,626	0.8	16.0	526	7.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	52,100	-1.1%	-0.6%	15,099	2.3	281.3	185	14.1	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTR	84,000	1.3%	1.9%	9,608	4.8	17.0	4,930	20.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,700	0.7%	2.1%	6,066	1.9	17.0	1,978	24.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	31,150	0.5%	2.1%	3,442	2.3	14.3	2,174	14.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPR	37,300	-0.5%	1.8%	3,241	1.3	12.7	2,932	13.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TDP	33,100	-5.2%	-4.6%	2,920	2.8	33.2	998	6.1	Tiêu cực	-5.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	40,350	3.20%	8.03%	58,600	49.9%	1,709	1.6	23.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	56,500	2.36%	2.54%	81,700	48.0%	6,444	1.4	8.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,450	0.00%	2.20%	47,100	45.1%	716	2.1	45.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,100	-2.06%	0.79%	56,100	44.2%	3,977	2.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,050	-0.15%	1.79%	47,800	40.2%	1,661	1.7	20.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	94,300	0.86%	3.06%	126,000	34.8%	8,175	2.4	11.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,400	-0.18%	0.73%	74,300	33.9%	2,751	3.1	20.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,500	0.00%	2.97%	73,900	33.2%	5,215	2.9	10.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	15,600	1.96%	3.31%	20,000	30.7%	85	0.8	183.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	96,100	2.02%	2.89%	121,200	28.7%	5,092	4.9	18.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	36,000	0.56%	0.00%	45,800	27.9%	2,940	1.3	12.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SAB	45,850	0.55%	0.66%	58,000	27.2%	3,185	2.8	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DCM	36,500	-0.54%	4.58%	46,600	27.0%	3,186	1.9	11.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PC1	24,550	0.20%	1.24%	31,100	26.9%	1,189	1.6	20.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	34,400	-0.58%	0.58%	43,900	26.9%	1,065	1.8	32.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,700	0.75%	2.12%	42,400	26.8%	1,978	1.9	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	20,700	0.73%	3.24%	26,000	26.5%	350	1.7	59.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	60,900	0.00%	1.33%	76,100	25.0%	5,002	2.2	12.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	85,000	0.00%	2.41%	105,900	24.6%	6,115	2.4	13.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVS	32,800	-1.80%	4.13%	41,600	24.6%	2,644	1.1	12.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn